

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	12			
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm	3			
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch	1			
	Ban hành đúng thời gian quy định: 1 điểm				
	Ban hành không đúng thời gian quy định: 0 điểm				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC: (1) xác định đầy đủ nhiệm vụ, sát với thực tế của cơ quan, đơn vị; (2) phân công trách nhiệm rõ ràng; (3) có kết quả, sản phẩm đầu ra; (4) có thời hạn hoàn thành; (5) dự kiến bố trí kinh phí triển khai	1			
	Đầy đủ nội dung, có chất lượng: 1 điểm				
	Mỗi nội dung của kế hoạch không đảm bảo theo yêu cầu trừ: 0.2 điểm trong tổng số điểm				
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ b/a <0.8 thì điểm đánh giá: 0 điểm				
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC theo định kỳ và báo cáo đột xuất	2			
	Báo cáo CCHC:1 điểm				
	BC về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: 1 điểm				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	1			
	Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0.5 điểm				
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác 0.5 điểm				
1.4	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC	2			
1.4.1	Sáng kiến giải pháp liên quan đến công tác CCHC được UBND tỉnh công nhận (Trong năm đánh giá)	1			
	Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên được tỉnh: 1 điểm				
	Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 điểm				
1.4.2	Sáng kiến, giải pháp CCHC mới được cấp cơ sở (Sở, ban, ngành quyết định công nhận) và phải được được Hội đồng thẩm chi số CCHC của tỉnh đánh giá, chấp nhận có tính mới, áp dụng rộng rãi	1			
	Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới về công tác CCHC: 1 điểm				
	Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 điểm				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh giao	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1 \text{ điểm} + (c/a) * 0.5 \text{ điểm}$ Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao b là số nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng tiến độ c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ				
1.6	Phân công lãnh đạo phụ trách và công chức tham mưu công tác CCHC đúng quy định	1			
1.7	Chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của sở, ban, ngành	2			
1.7.1	Hiệu lực của việc triển khai các chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo sở, ban, ngành về CCHC	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
1.7.2	Tác động của CCHC đến quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	11			
2.1	Việc hoàn thành nhiệm vụ UBND tỉnh giao xây dựng văn bản pháp luật hằng năm theo quy định	1			
	Đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.				
2.2	Tổ chức rà soát, hệ thống hóa theo quy định các VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý	2			
2.2.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa	1			
	Ban hành Kế hoạch theo đúng quy định: 1 điểm				
	Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm				
2.2.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ rà soát VBQPPL được giao hoặc theo kế hoạch	1			
	Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Dưới 80% thì đánh giá: 0 điểm				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	1			
	Tính điểm theo công thức $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số văn bản cần xử lý b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa				
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật	3			
2.4.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1			
	Ban hành kế hoạch đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định: 1 điểm				
	Không ban hành: 0 điểm				
2.4.2	Thực hiện các hoạt động về kiểm tra thi hành pháp luật	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0 điểm</i>				
2.4.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Ban hành đầy đủ các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật: 1 điểm</i>				
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>				
2.5	Đánh giá tác động đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành	4			
2.5.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2.5.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2.5.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2.5.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
3	CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13			
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	3			
3.1.1	Ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC của đơn vị	1			
	<i>Ban hành kịp thời: 1 điểm</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành: 0 điểm</i>				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1			
	<i>Đánh giá theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá: 0 điểm</i>				
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, năm về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên hệ Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (baocaochinhphu.gov.vn)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ nội dung, đúng thời hạn quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ nội dung, chậm hạn so với quy định: 0 điểm</i>				
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết TTHC	2,5			
3.2.1	Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	0,5			
	<i>Đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0,5 điểm</i>				
	<i>Không đầy đủ hoặc không kịp thời theo quy định: 0 điểm</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.2.2	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị: 0.5 điểm	0,5			
3.2.3	Công khai kết quả giải quyết TTHC đầy đủ, kịp thời trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị: 0.5 điểm	0,5			
3.2.4	Công bố TTHC nội bộ	1			
	100% TTHC thuộc phạm vi quản lý được công bố đúng quy định: 1 điểm				
	Chưa hoàn thành công bố hoặc công bố không đúng quy định: 0 điểm				
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1			
	Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công				
	100% hồ sơ được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (trừ hồ sơ của TTHC đặc thù): 1 điểm				
	Dưới 100% hồ sơ không được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (trừ hồ sơ của TTHC đặc thù): 0 điểm				
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1,5			
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	1			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn Đánh giá theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.98$ thì điểm đánh giá bằng 0				
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi (văn bản, gắn file pdf xin lỗi đối với từng trường hợp hồ sơ bị chậm, quá hạn trên Hệ thống công dịch vụ công Quốc gia) người dân, tổ chức khi đề xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,5			
	Đầy đủ, đúng quy định: 0.5 điểm				
	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 điểm				
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	1,5			
3.5.1	Tổ chức thực hiện tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,5			
	Thực hiện đúng quy định: 0.5 điểm				
	Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm				
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,5			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số PAKN phải trả lời b là số PAKN đã được trả lời				
3.5.3	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan	0,5			
	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0.5 điểm				
	Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0 điểm				
3.6	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức	0,5			
	Không có công chức vi phạm, không có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu: 0.5 điểm				
	Có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu (đã qua xác minh): 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.7	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC của sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
3.8	Tính hiệu quả thực hiện việc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
3.9	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	12			
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy	4			
4.1.1	Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành và tương đương theo đúng quy định	1			
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				
4.1.2	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, ban, chi cục thuộc Sở và tương đương	1			
	<i>Đầy đủ và đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 điểm</i>				
4.1.3	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại phòng, ban, đơn vị trực thuộc	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng cấp phó của phòng, ban, đơn vị trực thuộc: 1 điểm</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>				
4.1.4	Tình hình thực hiện quy chế của đơn vị	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1			
	<i>Sử dụng đúng biên chế hành chính được giao: 1 điểm</i>				
	<i>Sử dụng không đúng: 0 điểm</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1			
	<i>Sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao: 1 điểm</i>				
	<i>Sử dụng không đúng: 0 điểm</i>				
4.3	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	3			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>				
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>				
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>				
	<i>Từ 80 đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75 điểm</i>				
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>				
4.4	Rà soát, sửa đổi và thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Thực hiện kịp thời, đầy đủ: 1 điểm</i>				
	<i>Thực hiện không kịp thời, không đầy đủ: 0 điểm</i>				
4.5	Đánh giá tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	2			
4.5.1	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc sở	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
4.5.2	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa sở, ban, ngành và địa phương	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	13			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1			
5.1.1	Xây dựng bảng mô tả công việc, khung năng lực theo từng vị trí việc làm của viên chức theo Danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt	0,5			
	<i>100% các phòng, ban, đơn vị thực hiện: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 100% các phòng, ban, đơn vị thực hiện: 0</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,5			
	<i>100% các phòng, ban, đơn vị thực hiện: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 100% các phòng, ban, đơn vị thực hiện: 0</i>				
5.2	Tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	5			
5.2.1	Thực hiện Quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1			
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				
5.2.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5.2.4	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.2.5	Tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.3	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1			
5.3.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	0,5			
	<i>Đúng quy định: 0.5 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				
5.3.2	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	0,5			
	<i>Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá hằng năm theo quy định: 0.5 điểm</i>				
	<i>Không báo cáo kết quả đánh giá: 0 điểm</i>				
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	4			
5.4.1	Trong năm không có lãnh đạo cấp Sở và tương đương bị kỷ luật: 1 điểm	1			
	<i>Có lãnh đạo cấp Sở và tương đương bị kỷ luật: 0 điểm</i>				
5.4.2	Trong năm cơ quan và các đơn vị trực thuộc không có lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật: 1 điểm	1			
	<i>Có lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật: 0 điểm</i>				
5.4.3	Trong năm cơ quan và các đơn vị trực thuộc không có công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) bị kỷ luật: 1 điểm	1			
	<i>Có công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) bị kỷ luật: 0 điểm</i>				
5.4.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> <i>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ hoặc không ban hành kế hoạch, điểm đánh giá: 0 điểm</i>				
5.5	Đánh giá tác động đến đội ngũ công chức	2			
5.5.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.5.2	Tinh thần, trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	10			
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hằng năm	1			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số tiền phải giải ngân theo Kế hoạch; b là số vốn đã thực hiện giải ngân tính đến thời điểm đánh giá.				
6.1.2	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1			
	Thực hiện đầy đủ, không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính trong năm đánh giá: 1 điểm				
	Thực hiện chưa đầy đủ hoặc có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm				
6.2	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN				
6.3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2			
6.3.1	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	1			
	Có ban hành: 1 điểm				
	Không ban hành: 0 điểm				
6.3.2	Kiểm kê tài sản hằng năm	1			
	Có kiểm kê (Thành lập Hội đồng; Biên bản kiểm kê đầy đủ, đúng thành phần): 1 điểm				
	Có thực hiện kiểm kê nhưng không đúng thời hạn, hồ sơ không đảm bảo hoặc không thực hiện kiểm kê: 0 điểm				
6.4	Bổ trí kinh phí cho công tác CCHC	1			
	Có bổ trí kinh phí: 1 điểm				
	Không bổ trí kinh phí: 0 điểm				
6.5	Thực hiện chế độ báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	1			
	Có đầy đủ báo cáo và đảm bảo thời gian quy định: 1 điểm				
	Không có báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời gian quy định: 0				
6.6	Tác động đến quản lý tài chính công	3			
6.6.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
6.6.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
6.6.3	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công của sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
7	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	13			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số	1			
	<i>Có ban hành thì đánh giá là: 1 điểm</i>				
	<i>Không ban hành thì đánh giá là: 0 điểm</i>				
7.2	Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi số (năm) của sở, ban, ngành	1			
	<i>Đánh giá theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i>				
	<i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>				
7.3	Số lượng văn bản đến tồn chưa duyệt trên phần mềm quản lý văn bản (TD Office)	1			
	<i>Từ 100 văn bản trở xuống tồn chưa duyệt trên hệ thống: 1 điểm</i>				
	<i>Trên 100 - 200 văn bản tồn chưa duyệt trên hệ thống: 0.5 điểm</i>				
	<i>Trên 200 văn bản tồn chưa duyệt trên hệ thống: 0 điểm</i>				
7.4	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị (không tính văn bản mật)	1			
	<i>Đánh giá theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số văn bản của đơn vị</i>				
	<i>b là số văn bản đi của đơn vị được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>				
7.5	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1			
	<i>Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định (100%): 1 điểm</i>				
	<i>Không hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định: 0</i>				
7.6	Thực hiện thanh toán trực tuyến	4			
7.6.1	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1			
	<i>Đánh giá theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của dịch vụ công toàn trình;</i>				
	<i>b là số hồ sơ trực tuyến toàn trình</i>				
7.6.2	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính</i>				
	<i>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>				
7.6.3	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i>				
	<i>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				
7.6.4	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	1			
	<i>Đánh giá theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá</i>				
	<i>b là tổng số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				
7.7	Cơ quan, đơn vị có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<i>Đã có: 1 điểm</i>				
	<i>Chưa có: 0 điểm</i>				
7.8	Đánh giá tác động đến xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử	3			
7.8.1	Tính hiệu quả của việc chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
7.8.2	Tính kịp thời, đầy đủ, thuận tiện của việc cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
7.8.3	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử của sở, ban, ngành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
8	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức	16			Điều tra xã hội học
	TỔNG ĐIỂM	100			
	Trong đó: - Điểm tự đánh giá: 62 điểm; - Điểm đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát: 22 điểm; - Điểm đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức: 16 điểm.				